TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2023
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tòng và bà Tưởng Thị Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ma Văn T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Ma Thị Đ trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là đời sống chung của vợ chồng cũng không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, anh T đánh đập chị sau những lần cãi chửi nhau. Anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã bày tỏ quan điểm không đồng ý, khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn tình cảm giữa chị và anh T đã

được gia đình khuyên bảo, chị cũng đã tha thứ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T sống ly thân từ 2022 đến nay, hiện nay cả hai không còn liên lạc, không phát sinh quan hệ tình cảm và cũng không phụ thuộc gì về kinh tế với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Văn T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Chị Đ nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, do đã cưới nhau nhiều năm nhưng vợ chồng vẫn không có con, nên tình cảm vợ chồng cũng không được tốt, chị Đ lại đi làm ăn xa, ít khi về nhà, mặc dù anh đã đồng ý cho chị Đ đi làm nhưng khi có dịp nghỉ lễ tết thì chị Đ không về thăm anh. Mâu thuẫn tình cảm giữa anh và chị Đ đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng chị Đ vẫn không nghe lời anh, vẫn không chịu về nhà sinh sống. Kể từ tháng 9/2022, cứ mỗi lần đi làm về thì chị Đ lại về nhà bố mẹ đẻ, anh không liên lạc được với chị Đ do chị Đ thay đổi số điện thoại. Chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, anh không đồng ý, vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh cần thêm thời gian để vợ chồng được suy nghĩ kỹ.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương được biết: Anh Ma Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị Đ và anh Ma Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/01/2003. Cả hai chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, anh T và chị Đ không có con chung, lâu năm dẫn đến việc vợ chồng cãi chửi nhau, anh T không tu chí làm ăn. Cả hai sống ly thân từ năm 2022 đến nay; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đ và anh T không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57

của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị Đ, cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Ma Văn T; về con chung, tài sản và vay nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị Đ chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T cư trú tại thôn Khun C, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị Đ và chị Ma Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/01/2003, do vậy hôn nhân của chị Đ và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Đ và anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị Đ nghi ngờ anh T ngoại tình, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị Đ đi làm ăn xa nhà ít khi về thăm anh T, anh T đã nhiều lần khuyên bảo chị Đ về nhà làm việc nhưng chị Đ không đồng ý, cả hai thường xuyên sống xa nhau, mỗi người ở một nơi không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Chị Đ và anh T kết hôn từ năm 2003 đến nay không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị Đ và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh T.

- Về con chung, tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đ và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ma Văn T không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Ma Văn T.

2. Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005613 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND Hùng Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Tòng Tưởng Thị Thu Hoàng Mạnh Tuấn